TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ KINH MÔN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025/HNGĐ- ST
Ngày: 31-3-2025
V/v " ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN- TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lại Thị Lan và ông Phạm Văn Biên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương *tham gia phiên toà:* Bà Quách Thị Nên- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 309/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2024 về việc *" ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXX-ST ngày 14 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị H, sinh năm 1996

Nơi ĐKHKTT: Khu dân cư số 5, phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương

Nơi ở hiện nay: Ngõ 124 khu A, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh

- Bị đơn: Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1996

NĐKHKTT: Khu dân cư số 5, phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương

Nơi ở hiện nay: Tổ 4 B, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Vũ Văn B, sinh năm 1951

Nơi cư trú: Khu dân cư số 5, phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương

(Chị H có mặt, anh Đ, ông B đều vắng mặt và có đề nghị xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04-10-2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Vũ Thị H trình bày:

Chị và anh Phạm Văn Đ được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Phú Thứ (nay là phường Phú Thứ ngày 30-11-2016). Sau khi kết hôn anh chị chung sống hoà thuận hạnh phúc đến tháng 5-2024 thì phát sinnh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên có nhiều bất đồng về tính cách quan điểm sống, không còn tin tưởng vào tình cảm của nhau nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Do cuộc sống vợ chồng căng thẳng nên chị và anh Đ đã không còn chung sống cùng nhau từ tháng 9-2024 đến nay. Từ khi anh chị sống ly thân hai bên không gặp gỡ nói chuyện, anh Đ cũng chưa lần nào nói chuyện hoà giải với chị. Vì thế hai bên không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế từ đó đến nay. Tháng 6-2024 chị đã nộp đơn đến Toà án nhân dân thị xã Kinh Môn để giải quyết ly hôn, nhưng sau đó chị lại rút đơn về. Nhưng kể từ khi chị rút đơn về cuộc sống vợ chồng vẫn không thay đổi, mâu thuẫn ngày một trầm trọng hơn. Quá trình vợ chồng xảy ra mâu thuẫn gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên giải nhưng không thành. Thời gian vừa qua Toà án thụ lý giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Đ, anh cố tình không đến còn thực tế anh chị không còn liên lạc với nhau từ lâu. Anh Đ cũng không có ý định muốn hoà giải cùng với chị. Anh Đ hiện nay đang làm ăn tại Quảng Ninh chỉ thỉnh thoảng mới về nhà tại Phú Thứ. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục kéo dài hơn được nữa. Chị đề nghị Toà án giải quyết cho được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Phạm Thành Đ2, sinh ngày 14-10-2015 và Phạm Tuấn A, sinh ngày 18-02-2018. Hiện nay cháu Đ2 đang ở cùng với anh Đ, cháu Tuấn A đang ở cùng với chị. Nay vợ chồng ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Tuấn A, còn giao cháu Đ2 cho anh Đ nuôi dưỡng. Hiện nay chị làm công nhân, thu nhập trung bình từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng/ tháng. Sau khi ly hôn chị có thuê nhà ở riêng gần gia đình bố mẹ đẻ chị. Chị được bố mẹ chị hỗ trợ chăm sóc con cái. Chị tự nguyện không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị không đồng ý giao cả 2 cháu cho anh Đ nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ riêng: Chị xác định hiện nay còn nợ ông Vũ Văn B là ông ngoại của anh Phạm Văn Đ số tiền là 90.000.000 đồng. Cụ thể chị vay ông B làm 2 lần: lần thứ nhất vào ngày 23-9-2022 số tiền là 40.000.000 đồng, lần thứ 2 vào ngày 3-12-2022 số tiền là 50.000.000 đồng. Chị và ông B không thoả thuận lãi suất và thời gian trả nợ. Kể từ khi vay tiền ông B đến nay chị chưa có tiền để trả

cho ông. Nay ông B yêu cầu chị trả tiền nợ này chị đồng ý và xin được trả dần trong thời hạn 4 năm kể từ tháng 4-2025 đến tháng 4-2029 mỗi năm là 22.500.000 đồng.

Bị đơn anh Phạm Văn Đ trình bày: Anh được biết chị Vũ Thị H đang yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn giải quyết việc ly hôn với anh. Nay anh có quan điểm như sau:

Anh chỉ có tên gọi duy nhất là Phạm Văn Đ, sinh năm 1996. Đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu 5, phường Phú Thứ, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay Tổ 4, Bí Thượng, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Do anh làm việc cho công ty ở Quảng Ninh nên anh đã thuê nhà ở đây chỉ thỉnh thoảng mới về qua nhà tại Phú Thứ. Anh không đăng ký tạm trú hay thường trú tại phường Phương Đông. Anh đồng ý Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn tiếp tục giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị H.

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị H được tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phú Thứ vào ngày 30-11-2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến khoảng tháng 3-2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống. Hai bên không còn tin tưởng nhau về tình cảm nên thường xuyên xảy ra va chạm, cãi nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Do cuộc sống vợ chồng căng thẳng nên anh chị đã không ở chung cùng nhau từ tháng 9-2024 đến nay. Từ khi vợ chồng anh chị sống ly thân hai bên không gặp gỡ nói chuyện. Vì thế mà anh chị đã cắt đứt quan hệ cả về tình cảm và kinh tế. Quá trình vợ chồng xảy ra mâu thuẫn gia đình hai bên cũng nhiều lần khuyên giải động viên nhưng không được. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục kéo dài hơn được nữa. Chị H xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Phạm Thành Đ2, sinh ngày 14-10-2015 và Phạm Tuấn A, sinh ngày 18-02-2018. Hiện nay cháu Đ2 đang ở cùng với anh, cháu Tuấn A đang ở cùng với chị H. Nay vợ chồng ly hôn anh có nguyện vọng muốn nuôi cả hai cháu. Anh tự nguyện không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay anh làm doanh nghiệp thu nhập trung bình hàng tháng khoảng 50.000.000 đồng/tháng. Sau khi ly hôn anh được gia đình hỗ trợ về chỗ ở sinh hoạt cũng như việc chăm sóc con. Anh không đồng ý giao con cho chị H nuôi dưỡng vì chị H phải đi thuê nhà không có chỗ ở ổn định làm ảnh hưởng đến cuộc sống của các cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc của anh rất bận không có thời gian làm việc theo giấy triệu

tập của tòa án được. Anh đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc cũng như tại phiên tòa. Anh không bổ sung ý kiến gì khác. Ngoài ra anh không còn ý kiến gì khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn B trình bày:

Ông có quan hệ là ông ngoại của anh Phạm Văn Đ. Nay ông mới được biết chị H và anh Đ làm thủ tục ly hôn tại Toà án nhân dân thị xã Kinh Môn. Do trong quá trình anh Đ và chị H chung sống cùng nhau, chị H có vay của ông số tiền là 90.000.000 đồng để làm ăn kinh doanh bán hàng quần áo. Ông đồng ý cho chị vay làm 2 lần, cụ thể như sau: lần thứ nhất vào ngày 23-9-2022 số tiền là 40.000.000 đồng, lần thứ 2 vào ngày 3-12-2022 số tiền là 50.000.000 đồng. Ông và chị H không thoả thuận lãi suất và thời gian trả nợ. Kể từ khi chị vay tiền đến nay chị chưa có tiền để trả cho ông. Nay ông yêu cầu chị H trả cho ông số tiền nợ 90.000.000 đồng. Ông tự nguyện không yêu cầu tính lãi suất. Chị H xin được trả dần trong thời hạn 4 năm kể từ tháng 4-2025 đến tháng 4-2029 mỗi năm là 22.500.000 đồng, ông đồng ý và tự nguyện không yêu cầu lãi suất. Đây là khoản tiền riêng của ông không liên quan đến vợ ông. Chị H tự nguyện chịu toàn B án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Vũ Thị H đã trình bình bày anh chị chung sống với nhau như vợ chồng từ đầu năm 2015 đến tháng 11-2016 thì mới đăng ký kết hôn theo quy định. Do thời điểm đó anh Đ chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống làm ăn tại Phú Thứ đến tháng 3-2023 thì vợ chồng ra Uông Bí làm ăn có đưa các con đi cùng. Tuy nhiên anh chị không đăng ký tạm trú hay thường trú tại Uông Bí. Các quan điểm khác chị vẫn giữ nguyên như trong quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn anh Đ và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn B đều vắng mặt vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng quy định của B luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng theo quy định của Điều 70, 71, 72 của B luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 81,82,83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 166, Điều 357, Điều 463, Điều 464, Điều 465, Điều 466, Điều 468; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 147 B luật tố tụng dân sự; Nghị quyết

326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị H được ly hôn anh Phạm Văn Đ.

2.Về con chung: Giao con chung là Phạm Thành Đ2, sinh ngày 14-10-2015 cho anh Phạm Văn Đ được nuôi dưỡng. Giao con chung là Phạm Tuấn A, sinh ngày 18-02-2018 cho chị Vũ Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng. Thời gian giao nuôi con kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Đ, chị H tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị H, anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Về nợ riêng: Công nhận sự thoả thuận của chị Vũ Thị H và ông Vũ Văn B như sau: Chị H có nghĩa vụ trả cho ông Vũ Văn B toàn B số nợ 90.000.000 (*chín mươi triệu*) đồng trong thời hạn 4 năm thời gian kể từ tháng 4-2025 đến tháng 4-2029, mỗi năm là 22.500.000 (*hai mươi hai triệu năm trăm nghìn)* đồng. Ông B tự nguyện không yêu cầu lãi suất.

5. Về án phí: Chị Vũ Thị H phải chịu án phí ly hôn và dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng: Chị Vũ Thị H có đơn yêu cầu xin ly hôn anh Phạm Văn Đ. Anh Đ có đăng kí hộ khẩu thường trú tại khu dân số 5, phường Phú Thứ, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, hiện nay anh đang làm ăn tại tổ 4, Bí Thượng, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Anh Đ đồng ý Toà án nhân dân thị xã Kinh Môn giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 của B luật tố tụng dân sự. Ông B, anh Đ đã được triệu tập hợp lệ và có đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của B luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt anh Đ và ông B.

[2].Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị H và anh Phạm Văn Đ tự nguyện tìm hiểu có đăng kí kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Phú Thứ (nay là phường

Phú Thứ), thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên có nhiều bất đồng về tính cách và quan điểm sống nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Chị H và anh Đ cùng xác định vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9-2024 không còn quan hệ về tình cảm và độc lập về kinh tế. Anh Đ cũng xác định không còn tình cảm với chị H nữa. Xác minh tại gia đình và địa phương thể hiện trong quá trình chung sống anh chị có mâu thuẫn, cãi nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị H và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ2 được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị H xử cho chị được ly hôn anh Đ là có căn cứ.

[3]. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Phạm Thành Đ2, sinh ngày 14-10-2015 và Phạm Tuấn A, sinh ngày 18-02-2018. Hiện nay cháu Đ2 đang ở cùng với anh Đ. Cháu Tuấn A đang ở cùng với chị H. Chị H có nguyện vọng mỗi người nuôi một cháu. Anh Đ có nguyện vọng muốn nuôi cả hai cháu. Xét nguyện vọng của các bên về nuôi con là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện nuôi con của các bên là ngang nhau. Chị H và anh Đ đều đang phải đi thuê nhà ở, thu nhập cũng ổn định để đảm bảo nuôi các cháu.

Tuy nhiên khi xem xét việc giao nuôi con cũng cần phải đảm bảo ổn định sinh hoạt cũng như học tập của các cháu. Hiện nay cháu Đ2 ở cùng với bố, cháu Tuấn A ở cùng với mẹ. Quá trình chị H và anh Đ nuôi con đều được đảm bảo không ảnh hưởng đến các cháu. Do vậy áp dụng Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình tiếp tục giao cháu Đ2 cho anh Đ nuôi dưỡng, chăm sóc, giao cháu Tuấn A cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc cũng là phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Thời gian giao nuôi con kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ, chị H đều tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra việc giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ riêng: Chị H và ông Vũ Văn B cùng xác định hiện nay chị còn nợ ông số tiền là 90.000.000 đồng. Ông B và chị H đã tự thoả thuận như sau: Chị H có nghĩa vụ trả cho ông Vũ Văn B toàn B số nợ 90.000.000 đồng trong thời hạn 4 năm thời gian kể từ tháng 4-2025 đến tháng 4-2029, mỗi năm là 22.500.000

đồng. Ông B tự nguyện không yêu cầu lãi suất.

Xét sự thoả thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện không trái quy định của pháp luật nên cần công nhận sự thoả thuận trên.

[5]. Về án phí: Yêu cầu của chị Vũ Thị H được chấp nhận nên chị phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị H và ông Vũ Văn B đã tự thỏa thuận giải quyết về số nợ tại phiên hòa giải. Ông B là đối tượng người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326 của UBTVQH về thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Toà án. Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của B luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 166, Điều 357, Điều 463 Điều, 464, Điều 465, Điều 466, Điều 468; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 B luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị H được ly hôn anh Phạm Văn Đ.

2.Về con chung: Giao con chung là Phạm Thành Đ2, sinh ngày 14-10-2015 cho anh Phạm Văn Đ được nuôi dưỡng. Giao con chung là Phạm Tuấn A, sinh ngày 18-02-2018 cho chị Vũ Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng. Thời gian giao nuôi con kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Đ, chị H tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị H, anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Về nợ riêng: Công nhận sự thoả thuận của chị Vũ Thị H và ông Vũ Văn B như sau: Chị H có nghĩa vụ trả cho ông Vũ Văn B toàn B số nợ 90.000.000 (*chín mươi triệu*) đồng trong thời hạn 4 năm thời gian kể từ tháng 4-2025 đến tháng 4-2029, mỗi năm là 22.500.000 (*hai mươi hai triệu năm trăm nghìn)* đồng. Ông B tự nguyện không yêu cầu lãi suất.

Kể từ ngày được thi hành án có đơn yêu cầu mà bên có nghĩa vụ chậm

thanh toán thì phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 của B luật dân sự.

5. Về án phí: Chị Vũ Thị H phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí ly hôn sơ thẩm và phải chịu 1.125.000 *(một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền kí hiệu BLTU/23 số 0002686 ngày 11-10-2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn, chị H còn phải nộp 1.125.000 đồng.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Vũ Văn B.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND thị xã Kinh Môn;
- UBND phường Phú Thứ, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
-Lưu: Tòa án, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nguyệt

THÀNH VIEN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nguyệt